

Biểu số 4

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021
CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM**

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách nhà nước nguồn dịch vụ			
I	Số thu dịch vụ	11,086,092,274		-
1	Thu học phí chính quy	1,404,010,213		
<i>a</i>	<i>Thu học phí trực tiếp</i>	<i>532,972,683</i>		
<i>b</i>	<i>Thu cấp bù học phí</i>	<i>871,037,530</i>		
2	Học phí không chính quy	228,147,556		
3	Thu liên kết đào tạo cao đẳng, đại học	4,260,296,500		
4	Thu đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, dự án Hpet	2,137,010,564		
5	Thu tiền giảng của nhà giáo	109,520,000		
6	Thu dịch vụ khác	121,608,800		
7	Thu từ đào tạo lái xe và trung tâm thực nghiệm	2,803,596,000		
8	Thu từ hoạt động tài chính	6,594,641		
9	Thu khác	15,308,000		
II	Nộp NSNN (thuế TNDN)	151,559,647		
III	Số chi từ nguồn dịch vụ	8,852,148,806		
1	Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	5,400,778,580		
2	Chi phí vật tư, công cụ đã xuất kho sử dụng	2,059,770,646		
3	Chi phí khấu hao của TSCĐ	359,133,869		
4	Chi phí hoạt động khác	1,023,183,362		
5	Chi phí tài chính	882,349		
6	Chi phí khác	8,400,000		
IV	Chênh lệch thu - chi (I-II-III), trong đó:	2,082,383,821		
1	Trích lập quỹ CCTL	740,723,513		
2	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	674,284,154		
3	Quỹ khen thưởng	136,311,737		
4	Quỹ phúc lợi	333,688,077		

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
5	Quỹ ổn định thu nhập	68,155,868		
6	Quỹ thu nhập tăng thêm	136,311,737		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước (sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp và đào tạo)			
I	Nguồn ngân sách trong nước	38,538,738,797	-	-
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	27,204,200,000		
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5,508,350,676	-	-
-	<i>Kinh phí thực hiện Nghị quyết 04/TW</i>	<i>11,392,076</i>		
-	<i>Kinh phí kiểm định chương trình đào tạo ngành giáo dục mầm non và đánh giá chất lượng GDNN năm 2020</i>	<i>227,929,600</i>		
	<i>KP chi công tác kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (Tự đánh giá ngoài chất lượng nhà trường) theo công văn số 2517/UBND – KGVX ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh Kon Tum)</i>	<i>220,000,000</i>		
	<i>Kinh phí trang bị phần mềm dạy và học của đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống GDQD"</i>	<i>268,630,000</i>		
	<i>Kinh phí thực hiện Công trình sửa chữa các hạng mục khu giảng đường C và xây mới tường rào dài 125m tại Cơ sở 1</i>	<i>950,119,000</i>		
	<i>KP sửa chữa KTX khu A và khu B tại Khoa KTCN và LTT của Trường CĐCĐKT</i>	<i>901,000,000</i>		
	<i>Kinh phí chi trả tỉnh giảm biên chế (thực chi)</i>	<i>2,929,280,000</i>		
3	Kinh phí thực hiện chế độ chính sách cho HSSV	3,887,244,000		
4	Kinh phí cấp bù học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ	1,938,944,121		
5	CTMT Giáo dục nghề nghiệp-Việc làm và An toàn lao động: Dự án đầu tư nghề trọng điểm			
II	Nguồn vốn viện trợ			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			